

ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
TÒA THÁNH TÂY NINH

孔

Sơ Lược Tiểu Sử

ĐỨC KHỔNG TỬ

BIÊN KHẢO | HIỀN TÀI NGUYỄN VĂN HỒNG

子

TÀI LIỆU SƯU TẦM 2014

Ebook được làm theo ẤN-BẢN phổ biến trên Website của DAOCAODAI.INFO. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn **SOẠN GIẢ HIẾN TÀI NGUYỄN VĂN HỒNG, BAN PHỤ TRÁCH PHỔ BIẾN KINH SÁCH WEBSITE DAOCAODAI.INFO** đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo, đánh máy, in ấn hay phổ biến trên Website ngõ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 14/09/2014

Tâm Nguyễn

ĐỨC KHỔNG TỬ

(孔子)

BIÊN KHẢO | HIỀN TÀI NGUYỄN VĂN HỒNG

MỤC LỤC

TIỂU SỬ ĐỨC KHỔNG TỬ	9
▪ Tiểu sử	9
▪ 1. Đức tánh của Đức Khổng Tử	13
▪ 2. Thời kỳ tham chánh và dạy học	13
▪ 3. Thời kỳ chu du các nước chư Hầu	18
▪ 4. Đức Khổng Tử gặp Thân đồng Hạng Thác	19
▪ 5. Thời kỳ soạn sách và dạy học trò	20
▪ 6. Đức Khổng Tử tạ thế	21
▪ 8. Văn miếu	23
□ a. Tứ Phối	23
□ b. Thập Triết	23
□ c. Thất thập nhị Hiền	24
□ d. Tiên Hiền, Tiên Nho	24
▪ 9. Đức Khổng Tử trong Đạo Cao Đài	24
KHỔNG TỬ TÁC XUÂN THU	27



TÒA-THÁNH TÂY-NINH

TIỂU SỬ ĐỨC KHỔNG TỬ^[1]

(孔子)

(551 – 479 t.TL)

A: Confucius.

P: Confucius.

Khổng: Họ Khổng, chỉ Đức Khổng Tử. **Tử:** thầy.

Khổng Tử là Thầy Khổng.

- Tiểu sử
- Đức tánh của Đức Khổng Tử
- Thời kỳ tham chánh và dạy học
- Thời kỳ chu du các nước chư Hầu
- Đức Khổng Tử gặp Thần đồng Hạng Thác
- Thời kỳ soạn sách và dạy học trò
- Đức Khổng Tử tạ thế
- Các triều đại phong tặng Đức Khổng Tử
- Văn miếu
- Đức Khổng Tử trong Đạo Cao Đài

TIỂU SỬ

Sau đây là phần: Tiểu sử của Đức Khổng Tử.

Đức Khổng Tử tên là Khâu, tự là Trọng Ni, sanh ngày 27 tháng 8 âm lịch năm Canh Tuất (551 trước Tây lịch), đời vua Châu Linh Vương năm thứ 21 nhà Châu,

[1] Tiểu Sử **KHỔNG TỬ** được trích ra từ Quyển CAO ĐÀI TỰ ĐIỂN do Hiến Tài Nguyễn Văn Hồng biên soạn.

tương ứng với đời vua Lỗ Tương Công năm thứ 22, tại làng Xương Bình, huyện Khúc Phụ, nước Lỗ, bây giờ là Tỉnh Sơn Đông nước Trung Hoa.

Đức Khổng Tử là dòng dõi của Vi Tử Khải và Vi Tử Diễn, hai người này là anh ruột của vua Trụ, con của vua Đế Ất nhà Thương (cũng còn gọi là nhà Ân).

Sau khi Châu Vô Vương diệt vua Trụ, mở ra nhà Châu, Ông Châu Công Đán cho Vi Tử Khải làm vua nước Tống, gọi là Tống Công, để trông nom việc tế tự các vua nhà Thương. Vi Tử Khải mất, em là Vi Tử Diễn lên thay.

Cháu 13 đời của Vi Tử Diễn là Thúc Lương Ngột, làm quan Đại phu nước Lỗ, là thân phụ của Đức Khổng Tử.

Ngài lấy họ Khổng, bởi vì Thúc Lương Ngột là dòng dõi của Khổng Phùng Thúc, biệt lập ra họ Khổng kể từ Khổng Phụ Gia, sau 5 đời Công Khanh thế tập ở nước Tống.

Thúc Lương Ngột có người vợ cả họ Thi, sanh được 9 người con gái, một người vợ lẽ sanh được một con trai nhưng bị què một chân, tên là Mạnh Bì, tự là Bá Ni.

Năm Thúc Lương Ngột 70 tuổi, sợ không có người kế tự, mới sai người đến nhà họ Nhan để cầu hôn. Họ Nhan có năm người con gái đều chưa gả chồng, có ý chê Thúc Lương Ngột quá già, mới bảo với các con gái rằng:

– Các con có đứa nào thuận kết duyên với quan Đại phu ở Châu Ấp đó không?

Bốn người con gái lớn đều làm thính, người con gái út là Trưng Tại đứng dậy thưa rằng:

– Phép làm con gái, khi còn ở nhà thì theo lời cha,

cha đặt đầu con xin ngồi đó.

Họ Nhan nghe con gái út nói thế thì lấy làm lạ, liền gả Trưng Tị cho Thúc Lương Ngột.

Trưng Tị đã kết duyên với Thúc Lương Ngột rồi, vợ chồng lo về sự hiếm hoi không có con trai nối dõi, nên cùng nhau vào núi Ni Sơn cầu tự. Khi Trưng Tị trèo lên núi Ni sơn, bao nhiêu lá cây đều rung động lên cả. Khi làm lễ cầu tự xong, đi trở xuống thì lá cây lại rú xuống như cũ.

Đêm hôm ấy, Trưng Tị nằm mộng thấy Thần Hắc Đế triệu đến mà bảo rằng:

– Sau này, nàng sẽ sanh con Thánh, nhưng khi nào lâm sản thì nên vào ở trong hang núi Không Tang.

Đến khi nàng thức giấc tỉnh dậy thì biết mình có thai.

Một hôm khác, Trưng Tị mơ mơ màng màng như người chiêm bao, chợt thấy một Ông già đến đứng ở sân, tự xưng là Ngũ Tinh, dắt theo một con thú giống như con trâu con mà lại có một sừng, mình có vằn. Con thú ấy trông thấy Trưng Tị thì nằm phục xuống và nhả ra một cái ngọc xích, trên đó có đề chữ “*Con nhà Thủy Tinh, nối đời suy Châu mà làm vua không ngồi.*”

Trưng Tị biết là điềm lạ, liền lấy dải lụa buộc vào sừng con thú ấy. Khi tỉnh dậy, Trưng Tị thuật điềm chiêm bao ấy cho chồng nghe. Thúc Lương Ngột nói:

– Con thú ấy là con kỳ lân.

Gần đến sản kỳ, Trưng Tị hỏi hang núi Không Tang ở đâu? Thúc Lương Ngột nói:

– Núi Nam sơn có một cái hang đá, tục gọi là hang Không Tang.

Trưng Tị liền sửa soạn đến đó ở và sanh đẻ trong hang Không Tang đúng theo lời Thần nhân mách bảo. Đêm hôm sanh ra Khổng Tử, có hai con rồng xanh từ trên Trời bay xuống nằm phục ở hai bên sườn núi và có hai vị Thần Nữ đem nước hương lộ đến gội đầu cho Trưng Tị. Gội xong thì biến đi. Khi Trưng Tị làm sản, bỗng thấy trong hang đá có một suối nước nóng chảy ra để Trưng Tị tắm. Tắm xong thì suối cạn ngay.

Thúc Lương Ngột nói:

– Vì ta cầu tự nơi núi Ni Sơn mà được đứa bé này, nên ta đặt tên cho nó là Khâu, tự là Trọng Ni.

Trưng Tị biết đứa con này sẽ làm nên việc lớn, nên hết sức nuôi nấng và chăm sóc con.

Ông Khổng Tử có tướng lạ lắm: Môi như môi trâu, tay như tay hổ, vai như vai chim uyên, lưng rùa, miệng rộng, hầu lộ, trán phẳng và cao, khi lớn, mình cao 9 thước 6 tấc (thước Tàu), có tánh ham học.

Năm Khổng Tử lên 3 tuổi thì cha mất. Ngài sống với mẹ trong cảnh nhà nghèo. Khi lớn lên, mẹ cho đi học, Ngài chơi với trẻ hàng xóm, thích bày trò cúng tế.

Năm 15 tuổi, lập chí học tập.

Năm 19 tuổi, Ngài cưới vợ, vợ của Ngài là con của họ Thượng Quan nước Tống.

Năm 20 tuổi, vợ Ngài sanh đẻ một con trai. Hôm đó, Lỗ Chiêu Công sai đem đến ban cho Ngài một con cá chép (Lý ngư), nên nhân đó, Ngài đặt tên con là Lý tự là Bá Ngư, để tỏ lòng tôn trọng vật của vua ban tặng. Về sau, Bá Ngư chết lúc 50 tuổi, chết trước Đức Khổng Tử. Con

của Bá Ngự tên là Khổng Cấp, tự là Tử Tư, sau theo học với Tăng Sâm, rồi làm ra sách Trung Dung.

1. ĐỨC TÁNH CỦA ĐỨC KHỔNG TỬ

Đức Khổng Tử là người rất thông minh, luôn luôn ham học. Bất cứ việc gì, Ngài cũng để ý xem xét rất kỹ lưỡng để biết cho cùng tận mới thôi. Tánh Ngài ôn hòa, nghiêm trang, khiêm tốn, làm việc gì cũng hết sức cẩn thận, đề cao lễ nhạc, luôn luôn tin vào Thiên mệnh.

2. THỜI KỲ THAM CHÍNH VÀ DẠY HỌC

Năm 21 tuổi, Đức Khổng Tử được cử làm chức Ủy Lại, một chức quan nhỏ coi việc sổ sách của kho lúa, cùng là cân đo và gặt lúa. Sau đó, qua làm chức Tư Chức Lại, coi việc nuôi bò, dê, súc vật dùng trong việc tế tự.

Năm Ngài 25 tuổi thì chịu tang mẹ.

Năm 29 tuổi, Ngài học đàn với Sư Tương, ở nước Lỗ.

Tuy làm chức quan nhỏ, nhưng Đức Khổng Tử đã nổi tiếng là người học rộng, biết nhiều, nên quan Đại phu nước Lỗ là Trọng Tôn Cổ, cho hai người con trai là Hà Kỵ và Nam Cung Quát theo Ngài học Lễ.

Đức Khổng Tử muốn đến Lạc Dương, kinh đô nhà Châu, để nghiên cứu về nghi lễ, chế độ miếu đường, nhưng vì nhà nghèo, không đủ tiền lộ phí, đành than thở mà thôi. Học trò Ngài là Nam Cung Quát nghe vậy, liền về tàu với Lỗ Chiêu Công. Vua liền ban cho Ngài một cỗ xe song mã và vài tên quân hầu cận để đưa Ngài và Nam Cung Quát đi Lạc Dương. Đến nơi, Đức Khổng Tử quan sát nhà Tôn miếu, nhà Minh đường, khảo cứu luật lệ và

thư tịch đời cổ, đi xem Giao đàn là nơi nhà vua tế Thiên Địa và Tinh tú, rồi đến Xã đàn là nơi vua tế Thần Nông và Thần Hậu Thổ.

Nơi nào có quan hệ đến việc tế lễ thì Ngài đến quan sát và hỏi han cho tường tận.

Ngài đến gặp Trành Hoành để hỏi về Nhạc.

Khi ở Lạc Dương, Đức Khổng Tử còn tìm đến gặp Đức Lão Tử để hỏi về Lễ. (Xem Tiểu sử của Đức Lão Tử để biết việc đối đáp của 2 vị Thánh nhân, nơi chữ Lão Tử, vẫn L^[1]).

Đức Khổng Tử ở Lạc Dương khảo sát các việc xong thì trở về nước Lỗ.

Từ đó, sự học của Ngài càng rộng hơn nhiều nên học trò xin theo học càng lúc càng đông. Nhưng vua Lỗ vẫn chưa dùng Ngài vào việc nước.

Được mấy năm, trong nước Lỗ, Quý Bình Tử khởi loạn. Ngài theo Lỗ Chiêu Công tạm lánh sang nước Tề. Ở đây Ngài học được Nhạc thiếu. Tề Cảnh Công mời Ngài tới để hỏi việc Chánh trị. Vua Tề rất khâm phục, muốn đem đất Ni Khê phong cho Ngài, nhưng quan Tướng Quốc nước Tề là Yến Anh ngăn cản không cho.

Năm sau, Ngài trở về nước Lỗ, thấy họ Quý dùng Dương Hồ để chuyên quyền, ý muốn tiếm đoạt. Ngài quay về quê lo việc dạy học, và nghiên cứu cho tường tận Đạo học của Thánh hiền. Lúc đó Ngài được 36 tuổi.

Đến năm thứ 9 đời vua Lỗ Định Công, Ngài được 51 tuổi, được vua Lỗ mời ra làm quan, phong cho chức

[1] Tìm vẫn L để tra từ Lão Tử nơi quyển CAO ĐÀI Từ Điển của HT. Nguyễn Văn Hồng.

Trung Đô Tể lo việc cai trị ở Ấp Trung Đô, tức là đất Kinh thành. Một năm sau, bốn phương lấy chính sự của Ngài làm khuôn mẫu.

Năm Lỗ Định Công thứ 10 (500 năm trước Tây lịch), Ngài phò vua Lỗ đi phó hội với Tề Cảnh Công ở Giáp Cốc. Nhờ tài ngôn luận và ứng đáp kịp thời, vua Tề rất khâm phục và trả lại cho nước Lỗ ba khoảnh đất ở Quy Âm mà Tề đã chiếm của Lỗ từ mấy năm trước.

Qua năm sau, Đức Khổng Tử giữ chức Tư Không, rồi thăng lên Đại Tư Khấu (Hình Bộ Thượng Thơ) coi việc hình án. Ngài đặt ra luật lệ để cứu giúp kẻ nghèo khổ, lập ra phép tắc, định việc tống táng, lớn nhỏ có trật tự, trai gái không lẫn lộn, gian phi trộm cắp không còn nữa, xã hội được an bình thịnh trị.

Sau 4 năm, Lỗ Định Công phong Ngài lên làm Nhiếp Tướng Sự (Tướng Quốc), coi việc Chánh trị trong nước.

Ngài cầm quyền được 7 ngày thì tâu với vua Lỗ xin giết gian thần Thiệu Chính Mão để chỉnh đốn quốc chính.

Đức Khổng Tử giết Thiệu Chính Mão:

Thiệu Chính Mão là một nịnh thần rất nguy hiểm dưới trào Lỗ Định Công. Bảy giờ, Đức Khổng Tử đang làm quan Tướng Quốc nước Lỗ. Quý Tôn Tư, một vị Đại Thần quyền thế trong triều, nhưng luôn luôn hỏi ý kiến của Đức Khổng Tử mỗi khi có một quyết định trong công việc trị nước. Nhưng phần Thiệu Chính Mão, khi Đức Khổng Tử nói ra câu gì thì liền gièm pha khiến người nghe phân vân và đôi khi bị mê hoặc.

Đức Khổng Tử mật tâu với Lỗ Định Công:

– Nước Lỗ không cường thịnh lên được là vì trung nịnh không phân biệt, thưởng phạt không nghiêm minh. Thí dụ như muốn trồng lúa tốt tất phải trừ bỏ cỏ xấu. Xin Chúa công cho đem các đồ phủ việt (dùng vào việc hình) trong nhà Thái miếu bày ra ở dưới Lưỡng quán để dùng vào việc hình.

Lỗ Định Công thuận cho.

Sáng hôm sau, Lỗ Định Công truyền cho các quan triều đình hội nghị để bàn việc phá thành ấp xem lợi hại thế nào. Các quan người nói nên phá, người nói không nên phá.

Thiếu Chính Mão đón ý Đức Khổng Tử, nói rằng:

– Phá thành có 6 điều tiện:

1. Để tôn trọng quyền vua không ai bằng.
2. Để tôn trọng cái quyền thế Đô thành.
3. Để ức quyền tư môn.
4. Để khiến cho kẻ gia thần lộng quyền không chỗ nương cậy.
5. Để yên lòng ba nhà: Mạnh, Thúc, Quý.
6. Để khiến cho các nước nghe việc nước Lỗ ta làm mà phải kính phục.

Đức Khổng Tử tâu với Lỗ Định Công:

– Thành ấp nay đã thế cô còn làm gì được, hưởng chi Công Liêm Dương vẫn có lòng trung với vua, sao dám bảo là lộng quyền. Thiếu Chính Mão dùng lời nói khéo để làm loạn chánh trị, khiến vua tôi ly gián, cứ theo phép thì nên giết.

Các quan trong triều tâu:

– Thiếu Chính Mão là người danh giá ở nước Lỗ ta, đầu có nói lầm đi nữa cũng chưa đến tội chết.

Đức Khổng Tử lại tâu với Lỗ Định Công:

– Thiếu Chính Mão là người dối trá mà lại biện bác, làm người ta mê hoặc. Nếu không giết đi thì việc chánh trị không thi hành nổi. Xin Chúa Công cho đem phủ việt ra để trị tội.

Đức Khổng Tử truyền cho lực sĩ trói Thiếu Chính Mão đem đến Lưỡng quán mà giết đi.

Các quan trong triều đều sợ hãi, xám xanh cả mặt. Ba nhà: Mạnh, Thúc, Quý, trông thấy cũng đều kinh sợ.

Từ khi giết xong Thiếu Chính Mão, Lỗ Định Công và ba nhà Mạnh, Thúc, Quý mới một lòng nghe theo lời của Đức Khổng Tử. Nhờ vậy, Đức Khổng Tử chỉnh đốn kỷ cương trong nước, dạy dân những điều lễ, nghĩa, liêm, sĩ, nên dân không còn nhiều loạn mà chánh trị mỗi ngày một hay.

Ba tháng sau, phong tục biến cải cả: Các nhà buôn gà và heo không dám nhồi cám để dối người mua, trong khi ra đường, trai gái đi phân biệt nhau, không hỗn loạn, thấy cửa rơi ngoài đường thì không ai lượm, người nước khác du lịch đến nước Lỗ được tiếp đãi tử tế, không để cho thiếu thốn.

Dân nước Lỗ có làm một bài ca để tán tụng công đức của Khổng Tử. Bài ca ấy được truyền tụng sang nước Tề.

Tề Cảnh Công lo ngại nói rằng:

– Nước Lỗ biết dùng Khổng Khâu ắt nên nghiệp Bá, tất họa đến nước Tề, ta biết làm thế nào?

Quan Đại Phu Lê Di tâu rằng:

– Chúa Công lo nước Lỗ biết dùng Khổng Khâu, sao không lập cách ngăn đi.

Tể Cảnh Công nói:

– Nước Lỗ giao quyền chánh trị cho Khổng Khâu, ta dùng cách gì mà ngăn trở được?

Lê Di tâu:

– Tính con người ta, hễ được cường thịnh tất sanh lòng kiêu mạn. Xin Chúa Công lập một Bộ Nữ Nhạc mà đem dâng vua Lỗ. Vua Lỗ mà nhận Bộ Nữ Nhạc tất sanh lòng biếng mà chán Khổng Khâu. Bấy giờ tất Khổng Khâu phải bỏ nước Lỗ mà đi, Chúa Công mới có thể ngồi yên được.

Quả vậy, Lỗ Định Công, không nghe lời can gián của Đức Khổng Tử, nhận Bộ Nữ Nhạc thì mê say theo, bỏ bê việc triều chánh, có khi luôn 3 ngày không ra coi triều, mọi việc đều giao cả cho Họ Quý. Đức Khổng Tử can gián vua Lỗ nhiều lần nhưng không được, lại có thể bị hại vì lời gièm siểm của bọn gian thần.

Do đó, trong ngày Lễ Tế Giao, vua Lỗ không nhìn đến, cũng không đem phần thịt tế biểu cho các quan Đại Phu. Đức Khổng Tử nhân việc lỗi nhỏ của vua Lỗ mà xin từ chức, bỏ nước Lỗ đi chu du các nước chư hầu.

3. THỜI KỲ CHU DU CÁC NƯỚC CHƯ HẦU

Đức Khổng Tử cùng các học trò đi qua các nước: Vệ, Khuông, Trần, Tống, Thái, Sở, để mong thuyết phục các vua chư Hầu chịu đem cái Đạo của Ngài ra ứng dụng

để đem lại thái bình thịnh trị cho dân chúng. Nhưng cái Đạo của Ngài là Vương Đạo nên đi ngược ý đồ Bá Đạo của các vua chư Hầu và quyền lợi của các quan Đại phu nên các vua chư Hầu đều không dám dùng Ngài.

Rốt cuộc, sau 14 năm đi chu du các nước không thành công, Ngài phải trở về nước Lỗ, có quan Đại Phu Quý Khang Tử sai Công Hoa ra đón Ngài.

Phu nhân của Đức Khổng Tử là bà Thượng Quan đã mất trước đó một năm, nhằm năm Lỗ Ai Công thứ 10.

4. ĐỨC KHỔNG TỬ GẶP THÂN ĐỒNG HẠNG THÁC.

Đức Khổng Tử cùng một số học trò, trên đường qua nước Trần, gặp một đám trẻ nhỏ chơi đùa giữa đường. Ngài ngồi trên xe nhìn đám trẻ, thấy một cậu bé cặm cụi lấy cát đắp một cái thành nhỏ mà không đùa giỡn. Ngài hỏi cậu bé:

– Sao cậu không chơi đùa với mấy đứa trẻ kia?

Cậu bé đáp: – Đùa giỡn thì vô ích, vì có thể bị rách áo quần, nhọc công mẹ vá, lại buồn lòng cha, nên tôi không giỡn.

Nói xong, cậu tiếp tục lo đắp thành. Đức Khổng lại hỏi:

– Cậu không tránh cho xe của tôi đi sao?

Cậu bé thản nhiên đáp: – Từ xưa đến giờ, xe phải tránh thành, chớ có bao giờ thành tránh xe.

Đức Khổng Tử nghe cậu bé trả lời một câu bất ngờ và hay quá, liền xuống xe lại gần cậu hỏi nhiều điều khó khăn, được cậu trả lời thông suốt, sau đó cậu hỏi lại Đức

Khổng Tử mấy câu mà Ngài không trả lời được, khiến Ngài rất phục cậu bé, tôn cậu bé làm thầy. Cậu bé ấy là Thần đồng Hạng Thác.

«Lúc Khổng Tử dạy về Nhơn đạo thời chưa thông Thiên đạo, còn dùng tấu nhục. Đến khi ngộ đạo cùng Hạng Thác thì trị trai thủ giới, nên mới có câu: Thiên sanh Khổng Tử chơn kỳ trí, tánh mạng công phu thi bất minh, vãng Trần lộ ngộ Hạng Thác vi sư, lão tác đồ ty thiếu vi tôn, cùng câu: Trai minh thanh phục, yết dục dưỡng tinh.

Sau người Châu Tử chẳng thông thời vụ, học Trung Dung chưa rồi mà luận đến Thiên đạo, lại chê Khổng Tử, Lão Tử rằng luận thuyết hư vô tịch diệt là dị đoan. Có phải ấy là ếch nằm đáy giếng xem trời nhỏ chẳng?» (Đại Thừa Chơn Giáo)

Đức Khổng Tử ở Nhơn đạo, nhờ Thần đồng Hạng Thác mà Ngài giác ngộ, tu theo Thiên đạo nên trường trai, tuyệt dục, dưỡng Tinh luyện đạo, đặc phẩm Chí Thánh.

5. THỜI KỲ SOẠN SÁCH VÀ DẠY HỌC TRÒ

Khi trở về nước Lỗ, Đức Khổng Tử đã 68 tuổi. Ngài trở lại quê nhà để mở mang việc dạy học và soạn sách.

Tổng số môn đệ của Đức Khổng Tử có lúc lên tới 3000 người (Tam thiên đồ đệ), trong đó có 72 người được liệt vào hạng tài giỏi, nên gọi là Thất thập nhị Hiền.

Đức Khổng Tử san định lại các kinh sách của Thánh Hiền đời trước như: Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ, Kinh Nhạc, Kinh Dịch.

Ngài ghi chú các lời nói của Thánh Hiền đời trước, xếp đặt lại cho có thứ tự, chú thích những chỗ khó hiểu,

nhất là với Kinh Dịch, Ngài chú giải rất kỹ.

Sau đó, Đức Khổng Tử viết ra sách Xuân Thu, chép những việc của nước Lỗ và của nhà Châu (Chu) liên hệ với các nước chư Hầu từ đời Lỗ Ẩn Công nguyên niên (721 trước Tây lịch) đến đời Lỗ Ai Công thứ 14 (481 trước Tây lịch), tổng cộng là 242 năm. (Xem chi tiết nơi phần sau: Khổng Tử tác Xuân Thu)

Đức Khổng Tử là bậc Chí Nhân Chí Thánh, nhưng Ngài vẫn khiêm tốn không dám nhận mình là Thánh nhân.

Đối với các môn đệ, Ngài rất dễ dãi. Hễ ai theo đúng lễ đến xin học thì Ngài không bao giờ từ chối. Ngài thu nhận học trò, không kể giàu nghèo, con quan hay con dân. Ngài mở ra một nền giáo dục bình dân đại chúng, đào tạo được một lớp người trí thức mới, tài giỏi và có đức hạnh trong giới bình dân.

Sự giáo hóa của Ngài chủ yếu là làm sao cho sáng tỏ cái đức sáng của người, chớ không gom vào trong sự truyền thụ kiến thức. Đây là một phương pháp giáo dục rất hay để khai mở cái Tâm của con người vậy.

6. ĐỨC KHỔNG TỬ TẠ THỂ

Mùa Xuân năm Lỗ Ai Công thứ 14 (481 trước Tây lịch), người nước Lỗ đi săn bắt được một con kỳ lân què chân trái phía trước. Đức Khổng Tử đến xem rồi bưng mặt khóc. Khi trở về, Ngài than rằng: Ngô đạo cùng hý! (Đạo của ta đến lúc cùng)

Sách Xuân Thu chép đến chuyện này thì hết, nên đời sau còn gọi sách Xuân Thu là Lân Kinh.

Năm Nhâm Tuất đời Lỗ Ai Công thứ 17 (479 trước

Tây lịch), một hôm Đức Khổng Tử chống gậy đi tản bộ trước nhà, vừa đi vừa hát: *Thái sơn kỳ đới hồ! Lương mộc kỳ hoại hồ! Triết nhân kỳ nuy hồ!* (Núi Thái sơn đổ ư! Cây gỗ tốt hư hoại ư! Triết nhân mòn mỏi ư!)

Học trò của Ngài là Tử Cống liền đến hỏi thăm Ngài. Ngài nói: Ta biết mình sắp chết.

Đến ngày Kỷ Sửu, tức là ngày 18 tháng 2 năm Nhâm Tuất, Đức Khổng Tử tạ thế, hưởng thọ 73 tuổi. Mộ của Ngài ở bên bờ sông Tứ Thủy, phía Bắc thành nước Lỗ, nay gọi là Khổng Lâm, thuộc huyện Khúc Phụ, tỉnh Sơn Đông.

Ba ngàn đồ đệ của Ngài đều thương tiếc và than khóc, nguyện để tang Thầy 3 năm. Có hơn 100 môn đệ làm nhà chung quanh phần mộ để lo phụng tự trong 3 năm, riêng Tử Cống ở đó hết 6 năm mới thôi.

Chu vi đất quanh mộ của Đức Khổng Tử rộng chừng 100 mẫu mà không hề có cây gai và cỏ may mọc. Học trò bảo nhau đi tìm các thứ hoa thơm cỏ lạ ở các nơi đem về trồng khắp chung quanh.

7. CÁC TRIỀU ĐẠI PHONG TẶNG ĐỨC KHỔNG TỬ

– Năm 739, vua Đường Huyền Tôn phong tặng Đức Khổng Tử là **Văn Tuyên Vương**, mặc phẩm phục Hoàng đế, tặng cho các đệ tử các tước: Công, Hầu, Bá.

– Năm 1008, vua Tống Chân Tông phong Ngài là: **Đại Thánh Văn Tuyên Vương**, phong cho thân phụ Ngài là Lỗ Công, thân mẫu Ngài là Lỗ Phu Nhân, vợ là Bà Thượng Quan Thị làm Văn Phu Nhân, và ra lệnh cho các tỉnh lập miếu thờ Ngài.

– Năm 1306, vua Minh Thế Tông phong tặng Ngài

là **Chí Thánh Tiên Sư**.

– Năm 1645, vua Thanh Thế Tổ phong Ngài là **Đại Thành Chí Thánh Văn Tuyên Vương Thánh Sư Khổng Phu Tử**.

8. VĂN MIẾU

Văn miếu hay Văn Thánh miếu là tòa nhà dựng lên để làm Đền thờ Đức Khổng Tử và các môn đệ của Ngài cùng với các Tiên hiền, Tiên nho qua các thời đại gồm:

A. TỨ PHỐI

Bốn vị Thánh cùng được phối hưởng cúng tế với Đức Khổng Tử. Tứ Phối gồm:

- Phục Thánh Nhan Tử (Nhan Hối)
- Tông Thánh Tăng Tử (Tăng Sâm)
- Thuật Thánh Tử Tư (Khổng Cấp)
- Á Thánh Mạnh Tử (Mạnh Kha)

B. THẬP TRIẾT

Mười vị Hiền triết, học trò tài giỏi nhất của Đức Khổng Tử. Thập Triết gồm:

- Mẫn Tử (Mẫn Tử Khiên)
- Bá Ngưu (Nhiễm Canh)
- Trọng Cung (Nhiễm Ung)
- Tể Dư (Tử Ngã)
- Đoan Mộc Tử (Tử Cống)
- Nhiễm Cầu (Tử Hữu)
- Trọng Do (Tử Lộ)

- Ngôn Yến (Tử Du)
- Bốc Thương (Tử Hạ)
- Chuyên Tôn Sư (Tử Trương).

C. THẤT THẬP NHỊ HIÊN

72 vị học trò giỏi của Đức Khổng Tử, nhưng ở dưới Thất Triết một bậc.

Nói là Thất thập nhị Hiên, chớ thật ra chỉ có 62 vị, vì trong Thất thập nhị Hiên có Thất Triết, nên phải trừ ra 10 vị.

D. TIÊN HIÊN, TIÊN NHO

Gồm 120 vị, qua các triều đại từ xưa đến nay.

9. ĐỨC KHỔNG TỬ TRONG ĐẠO CAO ĐÀI

Đức Khổng Tử là một Đấng Giáo chủ trong Tam giáo thuộc thời Nhị Kỳ Phổ Độ. Nhờ Đức Khổng Tử mà Nho giáo mới được hưng hạnh, và trở thành một học thuyết triết học nhân sinh có hệ thống chặt chẽ và hoàn hảo, chủ yếu dạy về Nhơn Đạo (Đạo làm Người). Không có một giáo thuyết nào dạy Nhơn Đạo hoàn hảo bằng Nho giáo.

Trong Kinh Cúng Tứ Thời của Đạo Cao Đài có bài Kinh Nho giáo để xưng tụng công đức của Đức Khổng Tử.

Ngày Đại Lễ Vía Đức Khổng Tử được chọn là ngày giáng sanh của Đức Khổng Tử, đó là ngày 27 tháng 8 âm lịch. Hằng năm, khi đến ngày nầy, tại Toà Thánh và các Thánh Thất địa phương đều có thiết lễ Đại Đàn cúng Vía Đức Khổng Tử, có Chúc sắc thuyết đạo nhắc lại Tiểu sử của Ngài, và nói về sự ích lợi của Nho giáo đối với sự ổn

định trật tự trong gia đình và ngoài xã hội.

Do đó, Đức Chí Tôn mới có chủ trương **NHO TÔNG CHUYỂN THỂ**, tức là dùng tinh hoa của Giáo lý Nho giáo để dạy dỗ người đời, tái lập trật tự và đạo đức trong xã hội.

Trong Kinh Tam Nguơn Giác Thế, Đức Khổng Tử có giảng cơ dạy Đạo.

Sau đây, xin chép lại bài Thánh giáo này của Ngài:

Ngày 17 tháng Giêng năm Nhâm Thân (1932).

THI

*NGÃ dĩ từ chương giáo nghĩa phương,
KHỔNG văn hoằng hóa sự luân thường.
PHU thê, phụ tử, quân thần đạo,
TỬ đệ phùng thời độ thiện lương.*

DIỄN DỤ:

Các sĩ cùng chư khanh nghe rõ: việc Tam giáo hiệp nhất.

Từ mới mở mang Trời Đất đã có Đại Đạo. Tam giáo vốn một nhà, đời sau chia làm ba, chớ kỳ trung một bốn, kẻ thế không thông hiểu nên tranh luận giành điều chơn giả với nhau hoài. Những người xưng mình là Minh Sư, thọ truyền cho đồ đệ, thì mỗi người cũng muốn khoe tài mình mà truyền khẩu với chúng sanh rằng, đạo mình chánh, đạo khác thì tà: Té ra, mình là manh sư gạt chúng.

Nếu Đạo Tiên, Đạo Phật mà không dùng văn chương thì lấy chi mà tả kinh điển kệ. Còn học Nho mà không học Đạo thì ra người cuồng sĩ kiêu căng.

Vậy khuyên mấy sĩ Ba Đạo cũng đồng tìm kiếm gốc

cho mình chơn lý, đứng trước độ mình, sau độ chúng. Vậy mới gọi là Chánh kỹ hóa nhơn.

Thi rằng:

*Tam giáo từ xưa vốn một nhà,
Người sau lầm tưởng, vọng chia ba.
Minh tâm may hiểu đường chơn giả,
Mãn tánh mới thông nẻo chánh tà.
Thích, Đạo tỷ như hành bộ khách,
Nên Nho ví tựa chiếc đò qua.
Muôn ngàn kinh kệ do nơi chữ,
Tam giáo từ xưa vốn một nhà.*

KHỔNG PHU TỬ

KHỔNG TỬ TÁC XUÂN THU

孔子作春秋

KHỔNG TỬ TÁC XUÂN THU LÀ ĐỨC KHỔNG TỬ làm ra sách Xuân Thu để bày tỏ cái đạo của Ngài.

“Kinh Xuân Thu là bộ sách của Khổng Tử làm ra. Ngài theo lối văn làm sử mà chép truyện nước Lỗ, kể từ Lỗ Ẩn Công đến Lỗ Ai Công. Trong sách ấy chép cả việc nhà Chu (Châu) và việc các nước chư Hầu.

Xem hình thể bề ngoài thì là một bộ sử biên niên, lời lẽ vất vả, lắm chỗ hình như không có ý nghĩa gì cả, nhưng xét rõ đến tinh thần thì thật là bộ sách triết lý về việc chánh trị.

Mạnh Tử là người đã hiểu rõ nghĩa Kinh Xuân Thu, nói: “*Kinh Thi hết, nhiên hậu Kinh Xuân Thu mới làm ra. Việc ở trong sách Xuân Thu là việc Hoàn Công nước Tề, Văn Công nước Tấn, văn trong sách là văn sử. Nghĩa thì Khổng Tử nói rằng: Khâu nầy trộm lấy đó vậy. Nghĩa là Ngài lấy truyện ở trong các sách nước Tấn, nước Sở, nước Lỗ mà biểu thị cái ý nghĩa của Ngài muốn bày tỏ ra. Thời Xuân Thu bấy giờ xã hội Tàu loạn lạc, vua các nước chư Hầu làm nhiều điều bạo ngược và ai cũng muốn lấn quyền Thiên tử nhà Châu. Ngài không muốn để sự phê bình phán đoán của Ngài đụng chạm đến quyền thế của những người đương thời, vả lại cái học sâu xa của Ngài là cái học Tâm truyền, cho nên Ngài mượn lối văn làm sử, nói việc đã qua để ngụ cái vi ý của Ngài.*”

Sách Trang Tử (Nam Hoa Kinh) ở thiên Thiên Hạ viết rằng: Xuân Thu dĩ đạo danh phạt (Sách Xuân Thu là để nói cái đạo danh và phạt).

Vậy cứ theo ý kiến của những nhà đại hiền triết đời Chiến quốc thì sách Xuân Thu thật là cuốn sách để tâm truyền cái đại nghĩa Danh và Phạt về đường luân lý và chánh trị, chứ không phải là sách chép sử như người ta thường vẫn hiểu lầm.

Sách Xuân Thu có 3 chủ nghĩa là:

- Chính danh tự.
- Định danh phạt.
- Ngụ bao biếm. (Bao biếm là khen chê)

Chủ ý của Khổng Tử là tôn vua nhà Châu. Dẫu đời bấy giờ các nước chư Hầu có nhiều người không biết đến vua nhà Châu đi nữa, nhưng Ngài chép ngay đầu sách là: XUÂN VƯƠNG CHÁNH NGUYỆT, nghĩa là: Mùa Xuân, tháng Giêng, vua nhà Châu, để tỏ cái ý vẫn nhận nhà Châu làm chủ thiên hạ...

Xem Kinh Xuân Thu thì phải biết ý nghĩa và vị trí từng chữ. Mỗi chữ là để định rõ người tà người chánh, như Thiên tử chết thì chép chữ *băng*, vua chư Hầu chết thì chép chữ *hoăng*, ông vua đã cướp ngôi làm sự tiếm đoạt mà chết thì chép chữ *tổ*, người làm quan ngay chánh chết thì chép chữ *tốt*, người làm quan gian nịnh chết thì chép chữ *tử*.

Người nào có danh phạt chánh đáng thì chép rõ chức phẩm và tên tự, người nào mà danh phạt không chánh đáng thì dẫu có chức phẩm gì, cũng chỉ chép có một tên tục mà thôi.

Sự khen chê của Ngài cốt ở những chữ Ngài dùng. Có khi chỉ vì một chữ chê mà thành ra tiếng xấu muôn đời, một chữ khen mà được tiếng thơm thiên cổ.

Bởi thế, người đời sau bàn Kinh Xuân Thu nói rằng: *Nhứt tự chi bao, vinh ư hoa cốn; nhứt tự chi biếm, nhục ư phủ việt.* (Một chữ khen thì vinh hơn cái áo hoa cốn của vua ban cho, một chữ chê thì nhục hơn phải tội rìu búa.)

Vì Khổng Tử thấy đời suy, đạo mờ, các tà thuyết dấy lên, những sự hung bạo rất nhiều, con giết cha, tôi giết vua, cho nên Ngài lấy làm lo sợ mà làm ra sách Xuân Thu, để định cái Chánh thể, chủ ở sự Chánh danh, Định phận cho hợp đạo lý và cho rõ sự thưởng phạt.

Sách Xuân Thu là sách định chế độ của quân chủ. Khổng Tử biết rằng trong một nước không thể không có quyền quân chủ, song Ngài lại sợ rằng những người giữ quyền quân chủ thường hay lạm dụng thế lực của mình mà làm những điều tàn bạo. Vậy nên Ngài mới đem cái nghĩa, lấy cái nguyên của dương khí mà thống trị việc Trời, lấy Trời mà thống trị các vua chúa, và bày tỏ ra một cách đặc biệt ở sách Xuân Thu để hạn chế cái quyền của vị nhân quân. Nhưng vì những người làm vua làm chúa đã dễ mấy người hiểu được rõ cái lẽ thâm viển siêu việt ấy, cho nên Ngài mới lấy những điều tai dị như: Nhật thực, Nguyệt thực, Sao chổi và việc Động đất, v.v... là những điều hiển nhiên ai cũng có thể trông thấy được, để cảnh giới những bậc nhân quân. Ngài muốn những bậc ấy phải lấy những điểm lạ ấy mà kính sợ, tự mình tu tỉnh và làm những điều nhưn nghĩa. Đó là cái vi ý trong sách Xuân Thu.

Khổng Tử còn sợ người ta không hiểu rõ cái ý ấy, cho

nên Ngài nói: *Tri ngã giả kỳ duy Xuân Thu hồ, tội ngã giả kỳ duy Xuân Thu hồ!* (Người biết ta cũng chỉ ở Kinh Xuân Thu, người trách tội ta cũng chỉ ở Kinh Xuân Thu).

Biết Ngài là biết cái bụng của Ngài sợ những tà thuyết, những bạo hành càng ngày càng nhiều ra, cho nên Ngài bày tỏ cái phương pháp chánh trị để đối loạn ra trị, và để trừng trị những kẻ tàn bạo gian ác.

Trách tội Ngài là vì không hiểu cái ý của Ngài mà cho Ngài là tiếm làm cái việc của Thiên tử, hoặc là ngờ Ngài dùng những điều tai dị để làm mê hoặc người đời.

Học giả nên chú ý và hiểu cái thâm ý và cái khổ tâm của Ngài trong sách Xuân Thu. Về sau Hán Nho thường không hiểu rõ cái phần uyên thâm ấy, chú trọng ở cái thuyết Âm Dương, Ngũ Hành, gây thành mối mê tín, thật là sai cái ý nghĩa trong sách Xuân Thu vậy.

Người thường không biết, lấy con mắt xem sử mà xem thì không hiểu bộ sách ấy ích lợi về điều gì. Song người nào biết, lấy cái tinh thần mà lãnh hội cái thâm ý trong sách ấy, thì thấy có nhiều ý nghĩa rất sâu xa.”

■ *(Trích Nho Giáo Trần Trọng Kim)*

Mặc dầu Kinh Xuân Thu là một cuốn sách lịch sử, nhưng khi ghi chép, Đức Khổng Tử đã vận dụng bút pháp để khen chê, để phân biệt kẻ thiện người ác hết sức minh bạch và đanh thép, nên người đời sau đã phải công nhận đó là những búa rìu trong Kinh Xuân Thu (Xuân Thu phủ việt), cũng như nói: Khổng Tử làm Kinh Xuân Thu mà bọn loạn thần tặc tử sợ (Khổng Tử tác Xuân Thu nhi loạn thần tặc tử cụ).

Vì thế, Kinh Xuân Thu có tác dụng về Đạo lý, giữ

địa vị quan trọng trong nền văn hóa Nho giáo, trong sự biểu dương học thuyết “*Chánh danh, Nhất quán, Trung dung, Đại đồng*” của vị Vạn Thế Sư Biểu mà dân tộc VN đã chịu ảnh hưởng hơn 2000 năm nay.

Kinh Xuân Thu còn có tính cách điển hình gương mẫu cho người đời sau phải tôn trọng danh dự và nhiệm vụ trong khi viết sử, nên Kinh Xuân Thu được liệt vào năm bộ kinh quan trọng của Nho giáo, gọi là Ngũ Kinh: Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Lễ Nhạc, Kinh Dịch và Kinh Xuân Thu.

Văn chép sử trong Kinh Xuân Thu rất tóm tắt, hàm súc, ít người hiểu thấu, nên về sau có ba học giả làm thêm Tam Truyện để giải thích ý nghĩa của Kinh Xuân Thu.

Ba học giả ấy là:

1. **TẢ KHUÛ MINH**, làm Thái Sử nước Lỗ, đồng thời với Khổng Tử. Khi Khổng Tử trứ tác Kinh Xuân Thu, ông làm Tả Truyện để chú giải Kinh Xuân Thu và khai triển, nên người ta gọi là **Tả Thị Xuân Thu**, hay văn tắt là **Tả Truyện**.

2. **CÔNG DƯƠNG CAO**, một vị văn thần cuối đời nhà Châu, khâm phục tác giả và tác phẩm Xuân Thu, nên soạn ra một bộ sách bổ túc và phát huy thêm Kinh Xuân Thu, gọi là **Công Dương Truyện**.

3. **CỐC LƯƠNG XÍCH**, người nước Tần, trong thời Chiến Quốc (478–221 trước TL) biên khảo thêm một bộ truyện để bình giải Kinh Xuân Thu gọi là **Cốc Lương Truyện**. (Theo Lê Phục Thiện, chuyên viên Hán Học TTHL)

Trình Tử nói: “*Một câu trong Kinh Xuân Thu là chỉ*

một việc, trái phải thấy ngay. Cứ xét cho đến cùng lý thì học giả chỉ học Kinh Xuân Thu thì đủ biết hết Đạo. Các kinh khác, không phải là không có thể xét được đến cùng lý, nhưng chỉ cần luận đến nghĩa thôi. Kinh Xuân Thu căn cứ vào việc, việc phải trái cần được so sánh cho rõ, cho nên các yếu tố là phải xét đến cùng lý. Đọc Kinh Xuân Thu không phải như đọc Trung Dung. Muốn biết Trung Dung thì phải hiểu Quyền. Quyền là gì? Là việc nên làm vào thời nên làm. Còn Kinh Xuân Thu, lấy gì làm chuẩn đích? Từ Xuân Thu về trước có lập lệ. Về đời sau, các sách đều khác nhau. Cùng một việc mà chép khác nhau về ý tứ. Nếu lấy lệ cũ mà coi thì rất lầm. Kinh Xuân Thu chép việc, nếu việc giống nhau thì lời giống nhau. Người sau cho là lệ. Tuy nhiên, có việc giống nhau mà lời chép lại khác. Vậy câu nào có nghĩa câu nấy, thấy thế không nên buộc vào một lệ mới.”

Thiệu Tử nói: «Chưa biết phân biệt danh với thực, chưa định rõ công với tội của Ngũ Bá thì chưa đọc được Kinh Xuân Thu. Hãy định công với tội của Ngũ Bá đã, rồi mới đọc thì đại ý rõ ngay. Nếu cứ lần từng việc mà tìm thì không tìm được đâu mới.»

«Phép của Kinh Xuân Thu là trị kẻ gian ác, dù còn sống hay chết rồi, trị ngay đến bản thân, cốt để răn kẻ ác, khuyến khích kẻ trung nghĩa, còn đến con cháu xa thì thôi, là để khuyến thiện.

Văn trong Kinh Xuân Thu có chỗ cùng việc thì cùng lời, người sau đọc cho đó là lệ. Có chỗ cùng việc mà lời khác, người sau cho đó là biến lệ. Thế nên đã là chính lệ, nếu không phải là Thánh nhân thì không đặt được, mà đã là biến lệ, nếu không phải là Thánh nhân thì cũng không tìm được. Chính lệ là việc làm thường của Trời Đất, mà biến

lệ là việc nên làm của cổ kim. Chỉ có xét lý cho cùng, nghĩa cho tinh, thấy phép trong lệ, biết việc ở ngoại lệ, chỉ có thể mới hiểu Kinh Xuân Thu.»

Dương Thời nói: «Đọc Kinh Xuân Thu là việc sau cùng. Học giả phải học Ngũ Kinh đã, rồi sau mới học Kinh Xuân Thu thì mới có lợi. Nhiều người nói Kinh Xuân Thu khó biết được thực. Trong Ngũ Kinh, Khổng Tử nói về lý, trong Xuân Thu, Khổng Tử chép các việc. Học giả nếu đã rõ cái lý ở Ngũ Kinh thì việc trong Xuân Thu không có gì là khó hiểu.»

Lục Thâm nói: «Kinh Xuân Thu so với các Kinh khác thì thật là khó đọc. Giản, nghiêm, mà rộng lớn. Giản nghiêm thì lập luận ít, rộng lớn thì luận bàn nào cũng thông. Bút tự của Thánh nhân ý tứ sâu xa. Vì vậy, việc thì xem Tả Thị mới đúng, còn nghĩa thì xem Cốc Thị, Công Thị mới tinh. Hai lời đó là phép cốt yếu để đọc Kinh Xuân Thu.»

Xem như thế thì Kinh Xuân Thu là một bộ sách rất quan trọng, tiêu biểu cho Đức Khổng Tử, mà cũng tiêu biểu cho cả Nho giáo nữa. Đức Quan Thánh hồi sanh tiền đã dùng Kinh Xuân Thu làm sách gối đầu.

Do đó, Đạo Cao Đài ngày nay dùng Kinh Xuân Thu làm cổ pháp của Nho giáo, tượng trưng Nho giáo.

TNHT:

Xuân Thu định vững ngôi lương tử,
Phật Chủ quét tan lũ nịnh thần.

TNHT: Thánh Ngôn Hiệp Tuyển.

Sơ Lược Tiểu Sử
ĐỨC KHỔNG THÁNH
(孔子)

BIÊN KHẢO HT. NGUYỄN VĂN HỒNG